

# CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI NGỌC ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC DUC TRADING AND TECHNICAL SERVICE INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109298793

**3. Ngày thành lập:** 10/08/2020

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 34 ngõ 280 đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975311796

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>- Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...)<br>- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, cổng.<br>- Vách ngăn phòng bằng kim loại | 2511     |
| 2.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                     | 2512     |
| 3.  | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                                                                                       | 2513     |
| 4.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                               | 2591     |
| 5.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                   | 2592     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>(Trừ sản xuất huy hiệu và huân huy chương quân đội bằng kim loại)                                                                                                               | 2599     |
| 7.  | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                                                                                                   | 2814     |
| 8.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                         | 3311     |
| 9.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                     | 3312     |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                         | 3313     |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                         | 3314     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                         | 3319     |
| 13. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                        | 3320     |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                         | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322        |
| 17. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4530        |
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4543        |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649        |
| 20. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651        |
| 21. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652        |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659(Chính) |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Không bao gồm kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4662        |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663        |
| 25. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4752        |
| 27. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4759        |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7730        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4329        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>- Thi công lắp đặt rèm phơi thông minh, rèm, bạt che nắng mưa, giàn phơi, võng.<br>- Lắp đặt cửa ra vào (loại trừ cửa tự động và cửa cuốn), cửa sổ, khung cửa ra vào, khung cửa sổ bằng gỗ hoặc bằng những vật liệu khác,<br>- Hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: Làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được.<br>- Xếp, lợp, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác.<br>- Lắp gương, kính | 4330 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUỐC DƯỠNG | Xóm 2, Xã Xuân Châu, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                      | 5.400.000.000         | 60,000    | 162327305                                                                                                                                         |         |
| 2   | VŨ VĂN HƯỜNG      | Thôn Sâm Hồng, Xã Thắng Lợi, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                | 3.600.000.000         | 40,000    | 033081000687                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC DƯỠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162327305

Ngày cấp: 27/03/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, Xã Xuân Châu, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 34 ngõ 280 đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội